

KỂ MÍA - ĐÔI DÒNG TẢN MẠN*

GS.TS. KIỀU THU HOẠCH**

Làng Việt cổ - đá ong Đường Lâm hàm chứa cả hai ý nghĩa: Vừa để chỉ một làng Trung du cổ kính điển hình với hàng ngàn năm lịch sử vừa để chỉ một làng Việt cổ đầy ắp những chứng tích của một nền văn hoá, văn minh đá ong - cổng làng đá ong, đường làng đá ong, giếng nước đá ong, nhà cổ đá ong, tường đá ong, mộ đá ong...

Đường Lâm nguyên là đất các xã Cam Lâm, Đoài Giáp, Đông Sàng, Mông Phụ, Phụ Khang thuộc tổng Cam Giá Thịnh (thường gọi là Cam Thịnh) - tục gọi Kể Mía, thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây, trước năm 1945.

Như vậy, Đường Lâm là một xã được sáp nhập từ nhiều xã trước đây. Tuy nhiên, cái tên Đường Lâm thì vốn là một địa danh cổ đã có từ xa xưa trên vùng đất xứ Đoài. Nhìn từ góc độ địa lý - lịch sử cũng như góc độ địa danh học, chúng ta sẽ phát hiện ra nhiều điều vô vùng lý thú xung quanh cái địa danh này.

Theo sách *Việt điện u linh*, văn bản thời Lý - Trần, thì còn thấy chép rằng, ông cha Phùng Hưng (767 - 791) đời đời làm tù trưởng ở châu Đường Lâm. Như vậy địa bàn châu Đường Lâm thuở ấy có phần chắc là phải rộng lớn hơn xã Đường Lâm bây giờ nhiều lắm. Theo ông Kép

Thầy - Phan Huy Chú (quê ở làng Thầy, đỗ tú tài hai lần/kép - nên dân gian gọi là ông Kép Thầy), trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, thì châu Đường Lâm xưa kéo dài đến tận địa phận huyện Hoài An (tức vùng Chùa Hương hiện nay của xứ Đoài - Sơn Tây). Còn sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, là chính sử đời Lê, thì có đoạn ghi: "Tân Mùi 791, đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên thứ 7, mùa xuân, An Nam đô hộ phủ là Cao Chính Bình làm việc quan bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ, tháng tư, người quê Đường Lâm, thuộc Giao Châu, là Phùng Hưng nổi binh vây phủ. Chính Bình vì lo sợ mà chết". Một bia đá còn lưu giữ được ở thôn Cam Lâm, có niên hiệu Quang Thái thứ 3 (1390) đời Trần Thuận Tông, cũng ghi: "Nguyên bản xã, địa cư lâm mãng, cổ hiệu Đường Lâm". Nghĩa là: Nguyên xã này, đất đai toàn rừng rậm, xưa gọi là Đường Lâm. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, Đường Lâm chắc chắn là một cái tên rất cổ đã có từ lâu đời.

Chứng tích lịch sử là thế, song dấu sao thì

* TRÍCH TRONG BÀI: TỔNG QUAN LỊCH SỬ - VĂN HOÁ LÀNG VIỆT CỔ - ĐÁ ONG ĐƯỜNG LÂM, ĐẦU ĐỀ DO BBT TẠP CHÍ DSVH ĐẶT

** VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

đó cũng chỉ là cái tên chữ nghĩa trong sách vở, trong các cuốn phả ký, trong văn bia, trong thần tích... Còn ở nơi cửa miệng nhân dân, ở trong ca dao tục ngữ, thì cái tên Kê Mía vẫn là cái tên nôm na quen thuộc hơn: Chùa Mía, phố Mía, bến Mía, chợ Mía, Bà Chúa Mía... là những từ ngữ thân thương đã thấm sâu vào ký ức dân gian tự thuở nào:

- *Chẳng đi nhờ cháo Dốc Ghề*

Nhờ cơm phố Mía nhờ chè Đông Viên.

- *Chợ Mía mới họp đã to*

Các thầy Mông Phụ cứ dò xuống chơi.

- *Kê Mía kéo mật hộn đường*

Thợ rèn Quang Húc, Chu Chàng ươm tơ...

Xét về mặt địa danh học, thì ở các làng xã cổ truyền, có lịch sử lâu đời, thường bao giờ cũng có hai tên gọi sóng đôi, một tên Nôm đi kèm với một tên chữ mà tên Nôm bao giờ cũng là cái tên gốc gác, cái tên có trước. Nếu thống kê về địa danh ở nhiều vùng khác nhau, chúng ta sẽ thấy điều này là có tính phổ quát như một quy luật. Chẳng hạn, chỉ kể ở xứ Đoài, chúng ta cũng thấy: Kê Lôi/Cổ Lôi, Kê Sải/Thủy Lai, Kê Thủy/Sải Sơn, Kê Bùng/Phùng Xá, Kê Vải/Ngọc Nhị, Kê Núc/Canh Nậu, Kê Gia/Phú Đa, Kê Ngải/Hương Ngải, Kê Gươm/Cần Kiệm...

Đây chính là quy luật phản ánh quá trình phát triển lịch sử của các làng xã Việt Nam thời xưa. Cái tên Kê Mía đương nhiên cũng như vậy. Nhưng duy do của tên gọi này là từ đâu? Huyền tích dân gian xứ Đoài còn kể rằng: Vào thời Hùng Vương thứ 16, nhà vua sinh được một nàng công chúa xinh đẹp tuyệt trần, gọi tên là Mị Ê. Nàng không thích sống trong cảnh cung cấm gò bó; hằng ngày nàng thường cùng một số cung nữ đi tới các vùng đất bãi ven sông Cái, hoặc cùng mọi người vun trồng ngô khoai, hoặc hái hoa bắt bướm vui chơi... Vào một buổi trời hè nắng gắt, Mị Ê chợt bắt gặp một bụi cây trông như những cây sậy, nàng bẻ một cây ra thì thấy thân cây có nước, lấy tay quẹt nếm thử thì thấy có vị ngọt và thơm mát. Nàng reo lên thích thú, rồi bảo mọi người trồng thử trên bãi sông. Chẳng bao lâu, loài cây này mọc thành từng bụi xanh tốt um tùm. Nhân dân bảo nhau chặt về, ép lấy nước, rồi nấu thành mật để ăn. Ngày Tết đến, nàng Mị Ê sai chặt những cây to ngon cùng một ít nước mật đã cô đặc đem về dâng vua cha. Vua Hùng ăn nếm rất thích thú,

bèn lấy ngay tên nàng công chúa yêu quý là Mị Ê để đặt tên cho giống cây quý này. Từ đó, khắp cả một vùng đất bãi ven sông Thao, đặc biệt là từ Ba gò Đông Viên đến làng Phú Nhi, cây Mị Ê được trồng xanh tốt như rừng. Cái tên cây Mị Ê lâu dần cũng bị mọi người đọc trại đi thành ra cây Mi...Ê, rồi cây mía. Đến mùa thu hái mía, quang cảnh thật tấp nập, nhân dân vừa nô nức chặt mía vừa dựng những lò kéo mật - dùng trâu kéo máy ép mía bằng gỗ để nấu mật, ngày đêm khói toả nghi ngút ngay bên bãi sông. Và, tất cả một vùng rộng lớn có trồng mía đầu tiên đó, được gọi chung là Kê Mía.

Như vậy, cái tên Đường Lâm đã cổ, nhưng cái tên Kê Mía rõ ràng còn cổ hơn nhiều. Đối chiếu giữa huyền thoại/truyền thuyết dân gian với thư tịch cổ lại càng cho thấy rõ, truyền thuyết Mị Ê cũng không phải là không có cơ sở hiện thực.

Chúng ta biết rằng, thời cổ người Trung Hoa chỉ biết làm đường mạch nha chứ chưa biết làm đường mía; từ đời Đường trở về sau họ mới học được cách làm đường mật mía theo ngoại vực. Một số sách cổ của Trung Quốc như *Dị vật chí* của Dương Phu thế kỷ I (cuối Đông Hán), hoặc *Tễ dân yếu thuật* của Giả Tư Hiệp, thế kỷ thứ IV - V (thời Hậu Ngụy) ghi chép khá nhiều sản vật của Việt Nam, trong đó ghi rõ: "Mía do Giao Chỉ trồng đặc biệt thơm ngon". Dẫn ra mà ăn tươi đã rất ngọt, ép lấy nước như nước mạch nha gọi là đường lại càng quý. Nếu cô đặc rồi đem phơi để kết thành những tảng như băng, khi bẻ ra ăn cho vào miệng là tan biến dễ chịu liền; người đương thời gọi đó là mật đá (thạch mật). Thế kỷ thứ III, Ngô chúa là Tôn Lượng thường uống đường của Giao Châu cống nạp. Từ đó về sau, các vùng Tứ Xuyên, Quảng Đông... cũng học cách làm đường của Việt Nam" (theo Trần Tu Hoà: "Tình hữu nghị truyền thống và sự giao lưu văn hoá của nhân dân hai nước Trung Việt" in trong tập sách *Trung Quốc hoà Á Phi các quốc hữu hảo quan hệ sử luận tùng*, Tam Liên thư điểm xuất bản, Bắc Kinh, 1957, tr. 43). Bộ *Từ nguyên*, 1993 thì ghi: Mía, nguyên sản ở Đông Nam Á, truyền vào vùng Mân (Phúc Kiến), Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây). Và cũng dẫn sách *Dị vật chí* của Dương Phu đời Hán, ghi rằng: "Mía, xa gần đều có, của Giao Chỉ (Việt Nam) đặc biệt ngon ngọt; vị ngọt đều từ ngọn đến gốc. Cây to mập,

đo vòng tròn được mấy thốn, dài hơn trượng, như cây trúc, chặt khúc ăn đã ngọt, ép lấy nước thì nước mạch nhỏ gọi là đường" (chữ Đường trong nguyên văn viết bộ Mễ bên chữ Đường là triều đại nhà Đường).

Điều đáng chú ý là, chữ Đường chính là ghi âm tiếng Việt, mặt chữ gồm chữ Đường là nhà Đường ghép thêm với bộ Mễ, để chứng tỏ đây là Đường mật chứ không phải tên triều đại.

Vào thế kỷ VIII thời kỳ nước ta còn thuộc nhà Đường và được gọi là An Nam đô hộ phủ, Phùng Hưng từ Kẻ Mía nổi dậy, kéo quân về phá phủ đô hộ, khiến Cao Chính Bình "sợ vỡ mặt mà chết", thì bấy giờ Kẻ Mía có tên chữ Hán là Đường Lâm. Đường Lâm có nghĩa là "rừng đường mật", tức là một cái tên Hán hoá, cái tên chữ nghĩa của đất Kẻ Mía.

Đến thời Lý - Trần, Kẻ Mía được gọi là Cam Giá (Mía), Cam Tuyền (Suối Ngọt), Cam Đường (Đường Ngọt), Cam Lâm (Rừng Ngọt). Đến thời Lê, vùng đất này được tách làm hai, đặt tổng Cam Giá Thượng thuộc huyện Tiên Phong (nay là xã Cam Thượng, huyện Ba Vì), và tổng Cam Giá Thịnh thuộc huyện Phúc Lộc (tức xã Đường Lâm bây giờ).

Qua tất cả các tên gọi về Kẻ Mía đã được Hán hoá từ thời Bắc thuộc qua Lý - Trần - Lê như chúng ta đã thấy, dù gọi cách nào thì cũng đều có hàm ý: Đường mật, ngọt, mía trong đó. Sở dĩ như vậy là vì các tên gọi ấy đều được xuất phát từ cái tên gốc là Kẻ Mía mà ra.

Như vậy, từ góc nhìn địa danh học, Đường Lâm phải được hiểu là "rừng đường mật" và viết đúng mặt chữ Hán là chữ Đường có bộ Mễ, chứ không phải là chữ Đường là triều đại nhà Đường như các tài liệu Hán Nôm vẫn viết lâu nay. Để thấy rõ hơn tính xác thực, mà cũng là cái lõi lịch sử của truyền thuyết về cây mía - một truyền thuyết tầm nguyên về địa danh Kẻ Mía, chúng ta phải nắm bắt thêm về mặt văn hoá - phong tục của vùng đất này. Xét về mặt địa lý - lịch sử, chúng ta được biết phạm vi ảnh hưởng của vùng Mía - Đường Lâm xưa khá rộng và có thể nói có cả một tín ngưỡng - phong tục mía còn được lưu giữ mãi về sau qua nhiều thời đại. Trước đây ở Đường Lâm và các làng ven sông Thao, sông Hồng, hàng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, nhân dân vẫn có tục chặt mấy cây mía to đẹp, để nguyên cả lá ngọn, đem về dựng bên bàn thờ gia tiên, gọi đó là "gậy ông

vải" - chiếc gậy để ông bà ông vải chống về nhà thăm con cháu (và ở một góc độ khác, tục thờ cây mía cũng còn là biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực, cầu mong nhân khang vật thịnh, mùa màng tươi tốt). Ở một số làng của xứ Đoài cũ, như làng Hương Nha thuộc huyện Tam Nông (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) có tục thờ mía ở đền Xuân Nương, làng Cổ Tích, huyện Lâm Thao (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) thì có tục rể làng phải đem mía cúng ở đình làng...

Từ câu chuyện dân gian về gốc gác cây mía đến cái tên Kẻ Mía - Đường Lâm, chúng ta đã nhận biết được lịch sử một địa danh, từ góc độ văn hoá - lịch sử. Nhưng hơn thế nữa, chúng ta còn phải nhận biết được lịch sử một vùng đất, hay nói khác đi, là từ góc nhìn văn hoá học, chúng ta cần hiểu trọn vẹn lịch sử của một tiểu vùng văn hoá mà ở đây là một làng Việt rất cổ. Chữ "rất cổ" chúng tôi mượn ở từ tối cổ trong mấy cuốn địa chí chữ Hán soạn thời Lê - Nguyễn, đã ghi nhận về "Sơn Tây tam Đông", bao gồm Đông Sàng (Phúc Thọ, tức thôn Đông Sàng, xã Đường Lâm bây giờ), Sơn Đông (huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc bây giờ), Đông Ngạc (Từ Liêm, Hà Nội bây giờ) mà vốn xưa đều là đất xứ Đoài - Sơn Tây.

Trước đây, bên cội đa cổ thụ, dưới vòm cổng gỗ lim của làng Mía, vẫn còn bốn chữ đại tự "Đường Lâm cổ ấp" như là một minh chứng về ngôi làng cổ này. Song đáng tiếc, qua những biến thiên lịch sử, ngày nay cả bốn chữ này cùng với cánh cổng gỗ lim cũng không còn nữa! Ngoài những chứng tích như vừa nêu, giới sử học/khảo cổ học khi khai quật các gò ở Mông Phụ/Mía đã tìm thấy các di vật cuội đẽo thuộc văn hoá đá cũ Sơn Vi tuổi hai vạn năm. Các di tích sơ kỳ kim khí cũng được phát hiện dày đặc dọc theo lưu vực sông Đáy và cả ở con sông Tích thơ mộng chảy qua Đường Lâm/Kẻ Mía. Thời các vua Hùng dựng nước, núi Tản cách Kẻ Mía/Đường Lâm không xa là nơi mà 50 người con của mẹ Âu Cơ quây quần dưới chân đồi núi, để rồi từ trong đó chọn ra một người nổi trội nhất để suy tôn làm bậc quân trưởng là vua Hùng/Pò Khun, lên đóng đô ở Phong Châu. Thông qua các cứ liệu ngôn ngữ và phong tục, giới khoa học cũng đã thống nhất xác định, vùng đất dưới chân núi Ba Vì trong đó có Đường Lâm thời cổ, chính là địa bàn cư trú của dân cư Việt - Mường, là cái nôi của người Việt cổ.

Về địa hình, Đường Lâm nằm giữa sông Hồng/sông Cái và sông Tích/sông Con, là vùng đất trung du ở bên rìa ngoài vùng châu thổ Bắc Bộ. Đường Lâm hiện có khoảng 36 đôi gò, 18 rộc sâu và ao chuôm, cùng với khúc sông Tích uốn lượn như dải lụa tạo nên một cảnh quan kỳ thú với nhiều dấu tích về Đức Thánh Tản - Sơn Tinh... Nếu nhìn toàn cảnh thì thấy đất Đường Lâm dựa lưng vào non Tản hùng vĩ, "đất thiêng sinh lắm anh hùng", nhân dân tin rằng thế đất kỳ vĩ nên con người cũng kỳ vĩ. Để hiểu được một vùng đất, chúng ta đi từ địa danh đến địa phương, và như vậy, từ đất nước Đường Lâm chúng ta sẽ cùng nhau khám phá con người Đường Lâm.

Trước hết, nhân dân Kẻ Mía từ bao đời nay vốn rất đỗi tự hào về quê hương "một ấp hai vua" đó là Bố Cái Đại vương và Tiền Ngô vương.

Lịch sử đôi khi có những hiện tượng thật kỳ thú! Nếu như vào thời kỳ đầu của lịch sử dựng nước và giữ nước, ở Đường Lâm nổi lên hai vị anh hùng dân tộc, hai ông "tướng võ" với những võ công hiển hách, thì vào giai đoạn muộn sau này, Đường Lâm lại nổi lên hai danh nhân văn hoá, hai ông "tướng văn" xuất sắc đó là Giang Văn Minh và Kiều Oánh Mậu.

Giang Văn Minh là một nhà ngoại giao nổi tiếng ở thời Lê. Ông đậu thám hoa năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời Lê Thần Tông. Đến năm Dương Hoà thứ 3 (1637) cũng đời Lê Thần Tông, ông được cử sang sứ nhà Minh để nạp đồ cống. Vua nhà Minh vốn biết ông là người hay chữ, nhân muốn thử tài, bèn ra một vế đối như sau:

Đồng trụ chí kim đài dĩ lục

(Cột đồng tới nay rêu đã xanh).

Vế đối có ý châm chọc, muốn nhắc lại việc Mã Viện đời Hán sang đánh nước Nam và dựng cột đồng ở biên giới với lời nguyền thâm độc

"Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt" (cột đồng gãy thì dân Giao Chỉ diệt vong). Giang Văn Minh nghe xong vô cùng tức giận, liền đối lại ngay:

Đằng Giang tự cổ huyết do hồng

(Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ).

Câu đối lại vừa rất chọi, vừa đanh thép, nhắc lại ba lần sông Bạch Đằng đỏ máu quân xâm lược: Ngô Quyền diệt giặc Nam Hán năm 938, Lê Hoàn phá giặc Tống năm 981, và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đánh tan giặc Nguyên năm 1288. Chúng ta đều biết, đây không chỉ đơn thuần là chuyện đối đáp mà còn là chuyện đấu tranh trong ngoại giao. Và chính do thái độ kiên cường bất khuất trong đấu tranh ngoại giao như vậy, ông đã bị vua nhà Minh sát hại. Khi thi hài ông được đưa về nước, vua Lê đã thân hành đi đón và cử hành lễ viếng trọng thể với lời điệu: "Sứ bất nhục quân mệnh, khả vị thiên cổ anh hùng" (Đi sứ chẳng làm nhục mệnh vua, xứng đáng là bậc anh hùng ngàn thuở).

Sự nghiệp của các danh nhân không chỉ được ghi chép trong "thanh sử", trong các thiên sử thành văn, mà sự nghiệp của họ còn được ghi dấu qua các mẫu chuyện kể dân gian, các câu ca dao, tục ngữ... các trang sử miệng dân gian truyền tụng đời đời. Nhưng một phần quan trọng nữa, sự nghiệp của họ còn được ghi dấu ở các đài tưởng niệm các di tích lịch sử - văn hoá. Đây cũng lại chính là phần thể hiện rõ nhất, vật chất nhất lòng dân ngưỡng mộ đối với các danh nhân quê hương. Bởi vậy sẽ là thiếu sót nếu chúng ta nói đến danh nhân quê hương mà lại không nói đến cái phần tôn vinh quan trọng này./.

K.T.H

SUMMARY: KẼ MÍA - SOME ERRANT THOUGHTS (KIỀU THU HOẠCH)

Based on the data on language, habits and customs, location, the author has clarified that Đường Lâm is the residential area of the old Vietnamese. Đường Lâm means sugar - cane forest, not connected with the Đường dynasty in China, coming from Kẻ Mía with the origin based on the legend of xứ Đoài, relating to Miss Mị Ê. From the point of view of history and culture, the author also laid Kẻ Mía in the correlation with the habits of praying Mía (sugar - cane) in Vietnam.